

Số 95 - KH/TU

Hung Yên, ngày 06 tháng 4 năm 2018

KẾ HOẠCH

**Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 02/02/2008
của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X**

Thực hiện Công văn số 4781 - CV/BTCTW ngày 26/3/2018 của Ban Tổ chức Trung ương về việc tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 02/02/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về "*Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên*" (viết tắt là Nghị quyết số 22-NQ/TW); Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Kế hoạch tổng kết như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1- Đánh giá việc quán triệt tổ chức thực hiện Nghị quyết số 22 -NQ/TW và Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 27/4/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy với một số nội dung trọng tâm:

- Sự chuyển biến về nhận thức của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở về thực hiện Nghị quyết của Trung ương và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị.

- Đánh giá kết quả xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình hành động (hoặc Kế hoạch) của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các ngành, địa phương, đơn vị. Làm rõ những hạn chế, yếu kém và đánh giá đúng thực trạng tổ chức cơ sở đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; làm rõ kết quả đạt được, những chuyển biến tích cực, hạn chế, yếu kém và nguyên nhân, những mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả và bài học kinh nghiệm qua 10 năm tổ chức thực hiện Nghị quyết.

- Đề xuất các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp để tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng cán bộ, đảng viên trong thời gian tới.

2- Việc tổng kết phải được chỉ đạo chặt chẽ từ tỉnh đến cơ sở, thiết thực, đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ thời gian.

II- NỘI DUNG TỔNG KẾT

Nội dung tổng kết tập trung vào những nội dung chính như sau:

- Đánh giá việc quán triệt, triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết.
- Nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết trong thời gian tới.
- Những kiến nghị, đề xuất.

II- PHẠM VI, THỜI GIAN TỔNG KẾT

1- Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị tổng kết trước ngày 10 tháng 6 năm 2018, thành phần gồm:

- Các đồng chí Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh.
- Các đồng chí trưởng, phó các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương.
- Các đồng chí báo cáo viên cấp tỉnh.
- Đồng chí bí thư huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; chủ tịch UBND huyện, thành phố.
- Trưởng phòng (khoa) các ban Đảng, Văn phòng Tỉnh ủy, Trường Chính trị Nguyễn Văn Linh (riêng Ban Tổ chức Tỉnh ủy, từ phó trưởng phòng);
- Đồng chí trưởng ban tổ chức huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; trưởng phòng nội vụ huyện, thành phố.
- Đại diện tổ chức cơ sở đảng (mỗi đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy chọn 01 đồng chí bí thư cấp ủy cơ sở; huyện ủy, thành ủy chọn 02 đồng chí bí thư đảng ủy xã, phường, thị trấn).

2- Ban thường vụ huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy hoàn thành tổng kết trước ngày 25 tháng 5 năm 2018.

3- Các tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tổng kết trước ngày 10 tháng 5 năm 2018.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Ở tỉnh:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo tổng kết Nghị quyết.
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy trên cơ sở báo cáo của ban thường vụ huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, chủ trì giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng báo cáo tổng kết và phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy, các đơn vị có liên quan tham mưu chuẩn bị nội dung, các điều kiện cần thiết để tổ chức Hội nghị tổng kết.

2- Cấp huyện và tổ chức cơ sở đảng:

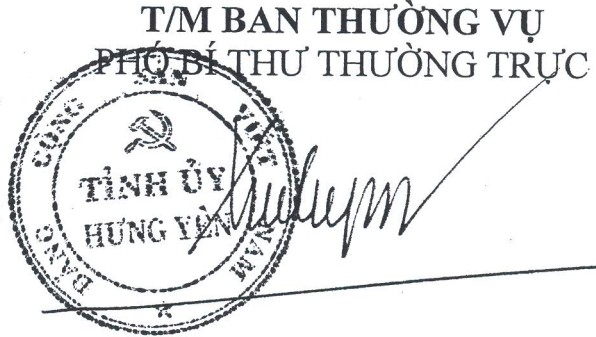
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức tổng kết đảm bảo tiến độ thời gian, thiết thực, hiệu quả.
- Cấp huyện và cơ sở có thể tổ chức hội nghị tổng kết tùy thuộc vào điều kiện tình hình cụ thể của địa phương, đơn vị.
- Báo cáo tổng kết của ban thường vụ huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy gửi về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) trước ngày 30 tháng 5 năm 2018.

Căn cứ Kế hoạch này, Ban Thường vụ huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW đảm bảo chất lượng, hiệu quả và đúng thời gian quy định; đồng thời, chỉ đạo ban tổ chức cấp ủy phối hợp với ban tham mưu của cấp ủy cùng cấp hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức cơ sở đảng tổng kết theo đúng nội dung Kế hoạch.

Ghi chú: Đề nghị các đơn vị xây dựng báo cáo và thống kê số liệu theo đúng đề cương và biểu mẫu gửi kèm Kế hoạch này.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức TW (để báo cáo),
- Các ban Đảng Tỉnh ủy,
- BTV huyện ủy, thành ủy, ĐUTT TU,
- BTC huyện ủy, thành ủy, ĐUTT Tỉnh ủy;
- Phòng công tác đảng, công tác quần chúng, Đảng bộ Công an tỉnh;
- Các đ/c UVBTW TU;
- LĐVP;
- CVTH-ĐNL,
- Lưu VPTU.



HUYỆN, THÀNH ỦY/ĐU
BAN TỔ CHỨC

*

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
....., ngày tháng năm 2018

THÔNG KÊ TỔ CHỨC ĐẢNG

(Kèm theo Kế hoạch số KH/TU, ngày tháng 04 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu 1: TCD

	Loại hình	Xã, phường, thị trấn	Cơ quan	Đơn vị sự nghiệp	Doanh nghiệp nhà nước	Doanh nghiệp nhà nước chiếm trên 50% vốn	Doanh nghiệp NN chiếm dưới 50% vốn	Doanh nghiệp tư nhân	Doanh nghiệp có vốn nước ngoài	Quân đội	Công an
I	Năm 2008										
1	Đảng bộ mà đảng ủy được giao (hoặc thí điểm giao) quyền cấp trên cơ sở										
	Trong đó: TCCSD trực thuộc (nếu có)										
2	Đảng bộ cơ sở										
3	Chi bộ cơ sở										
4	Đảng bộ bộ phận trực thuộc ĐU cơ sở										
5	Chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở										
	Trong đó: - Chi bộ có từ 30 - 50 đảng viên										
	- Chi bộ có từ 51 - 100 đảng viên										
	- Chi bộ có t trên 100 đảng viên										
II	Năm 2017										
1	Đảng bộ mà đảng ủy được giao (hoặc thí điểm giao) quyền cấp trên cơ sở										
	Trong đó: TCCSD trực thuộc (nếu có)										
2	Đảng bộ cơ sở										
3	Chi bộ cơ sở										
4	Đảng bộ bộ phận trực thuộc ĐU cơ sở										
5	Chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở										
	Trong đó: - Chi bộ có từ 30 - 50 đảng viên										
	- Chi bộ có từ 51 - 100 đảng viên										
	- Chi bộ có t trên 100 đảng viên										

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BAN
(ký tên, đóng dấu)

HUYỆN, THÀNH ỦY/ĐU
BAN TỔ CHỨC

*

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
....., ngày tháng năm 2018

SỐ LƯỢNG VÀ TRÌNH ĐỘ CẤP ỦY

(Kèm theo Kế hoạch số KH/TU, ngày tháng 04 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu 2 -CLCU

TT	Loại hình	Cấp ủy							Bí thư cấp ủy								
		Tổng số	Trình độ chuyên môn				Trình độ LLCT			Tổng số	Trình độ chuyên môn				Trình độ LLCT		
			Trên đại học	Đại học, cao đẳng	Trung cấp	Chưa đào tạo	Cử nhân, cao cấp	Trung cấp	Chưa đào tạo		Trên đại học	Đại học, cao đẳng	Trung cấp	Chưa đào tạo	Cử nhân, cao cấp	Trung cấp	Chưa đào tạo
A	Nhiệm kỳ 2010- 2015																
1	Xã, phường, thị trấn																
2	Cơ quan																
3	Đơn vị sự nghiệp																
4	DN Nhà nước																
5	DN ngoài Nhà nước																
6	Quân đội																
7	Công an																
8	Loại hình khác																
A	Nhiệm kỳ 2015- 2020																
1	Xã, phường, thị trấn																
2	Cơ quan																
3	Đơn vị sự nghiệp																
4	DN Nhà nước																
5	DN ngoài Nhà nước																
6	Quân đội																
7	Công an																
8	Loại hình khác																

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BAN
(ký tên, đóng dấu)

KẾT NẠP CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VÀO ĐẢNG

(Kèm theo Kế hoạch số KH/TU, ngày tháng 04 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu 3b -CLKN ĐV

TT	Năm	Tổng số	Trình độ học vấn						Trình độ LLCT			
			Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Trung cấp	Tốt nghiệp PTH	Tốt nghiệp PTCS	Cử nhân, cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Chưa đào tạo
1	2013											
2	2014											
3	2015											
4	2016											
5	2017											

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BAN
(ký tên, đóng dấu)

THỐNG KÊ BÍ THƯ CẤP ỦY ĐỒNG THỜI LÀ THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Kèm theo Kế hoạch số KH/TU, ngày tháng 04 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu 4 - CBKN

TT	Nhiệm kỳ	Tổng số tổ chức cơ sở đảng	TCCSĐ Bí thư là thủ trưởng CQ, ĐV	Bí thư là thủ trưởng cơ quan, đơn vị chia theo các loại hình													
				Cơ quan		Đơn vị sự nghiệp		DN Nhà nước		DN ngoài Nhà nước		Quân đội		Công an		Loại hình khác	
				Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1	Nhiệm kỳ 2010 - 2015																
	Tăng																
	Giảm																
2	Nhiệm kỳ 2015 - 2020																
	Tăng																
	Giảm																

Ghi chú: Tỷ số tăng, giảm so với nhiệm kỳ trước (tính theo %); tỷ lệ % tính trên tổng số tổ chức cơ sở đảng của loại hình đó.

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BAN
(ký tên, đóng dấu)

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ CƠ SỞ

(Kèm theo Kế hoạch số KH/TU, ngày tháng 04 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu 5 -ĐTCBCS

TT	Chức danh	Nhiệm kỳ 2010 - 2015							Nhiệm kỳ 2015 - 2020						
		Đào tạo CM			Đào tạo LLCT		Bồi dưỡng		Đào tạo CM			Đào tạo LLCT		Bồi dưỡng	
		Trên ĐH	Đại học	Trung cấp	CN, cao cấp	Trung cấp	Theo chức danh	Nghiệp vụ công tác	Trên ĐH	Đại học	Trung cấp	CN, cao cấp	Trung cấp	Theo chức danh	Nghiệp vụ công tác
A	Khôi xã, phường, thị trấn														
1	Bí thư cấp ủy														
2	Phó bí thư														
3	Ủy viên BTV														
4	Cấp ủy viên														
5	Cán bộ chính quyền														
6	Cán bộ khối đoàn thể														
7	Bí thư chi bộ trực thuộc														
8	Trưởng thôn, khu phố														
B	Khối cơ quan, đơn vị SN														
1	Bí thư cấp ủy														
2	Phó bí thư và cấp ủy viên														
D	Khối lực lượng vũ trang														
1	Bí thư cấp ủy														
2	Phó bí thư và cấp ủy viên														

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BAN
(ký tên, đóng dấu)

THỐNG KÊ TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN BỊ KỶ LUẬT
(Kèm theo Kế hoạch số KH/TU, ngày tháng 04 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu 6 -KLTCĐ, ĐV

TT	Năm	Tổ chức cơ sở đảng			Chi bộ trực thuộc			Đảng viên			
		Khiển trách	Cảnh cáo	Giải tán	Khiển trách	Cảnh cáo	Giải tán	Khiển trách	Cảnh cáo	Cách chức	Khai trừ
1	2008										
2	2009										
3	2010										
4	2011										
5	2012										
6	2013										
7	2014										
8	2015										
9	2016										
10	2017										

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BAN
(ký tên, đóng dấu)

TRÌNH ĐỘ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
(Kèm theo Kế hoạch số KH/TU, ngày tháng 04 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu 7 - CLCBCC

TT	Năm	Cán bộ							Công chức								
		Tổng số	Trình độ chuyên môn				Trình độ LLCT			Tổng số	Trình độ chuyên môn				Trình độ LLCT		
			Trên đại học	Đại học, cao đẳng	Trung cấp	Chưa đào tạo	Cử nhân, cao cấp	Trung cấp	Chưa đào tạo		Trên đại học	Đại học, cao đẳng	Trung cấp	Chưa đào tạo	Cử nhân, cao cấp	Trung cấp	Chưa đào tạo
1	2008																
2	2013																
3	2017																

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BAN
(ký tên, đóng dấu)

HUYỆN, THÀNH ỦY/ĐU
BAN TỔ CHỨC

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày tháng năm 2018

NGUỒN HÌNH THÀNH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

(Kèm theo Kế hoạch số KH/TU, ngày tháng 04 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu 8 -NCBCC

TT	Năm	Tổng số	Cán bộ		Công chức	
			Đạt chuẩn về trình độ chuyên môn	Đạt chuẩn về trình độ LLCT	Đạt chuẩn về trình độ chuyên môn	Đạt chuẩn về trình độ LLCT
1	Năm 2008					
	- Tuyển dụng từ sinh viên tốt nghiệp ĐH, CĐ					
	- Từ những người công tác ở cấp xã năm 2007 trở về trước					
	- Từ người hoạt động không chuyên trách cấp xã; thôn, khu phố					
	- Từ cán bộ, công chức nơi khác					
	- Từ các nguồn khác					
2	Năm 2017					
	- Tuyển dụng từ sinh viên tốt nghiệp ĐH, CĐ					
	- Từ những người công tác ở cấp xã năm 2007 trở về trước					
	- Từ người hoạt động không chuyên trách cấp xã; thôn, khu phố					
	- Từ cán bộ, công chức nơi khác					
	- Từ các nguồn khác					

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BAN
(ký tên, đóng dấu)

**TÌNH HÌNH THÔN, KHU PHỐ, TRƯỜNG HỌC, TRẠM Y TẾ, DOANH NGHIỆP
CHƯA CÓ TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN**

(Kèm theo Kế hoạch số KH/TU, ngày tháng 04 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu 9 - CCTCĐ, ĐV

TT	Năm	Thôn, khu phố			Trường tiểu học và THCS			Trường mầm non			Trạm y tế			Doanh nghiệp		
		Tổng số	Chưa có tổ chức đảng	Chưa có đảng viên	Tổng số	Chưa có tổ chức đảng	Chưa có đảng viên	Tổng số	Chưa có tổ chức đảng	Chưa có đảng viên	Tổng số	Chưa có tổ chức đảng	Chưa có đảng viên	Tổng số	Chưa có tổ chức đảng	Chưa có đảng viên
1	2008															
2	2013															
3	2017															

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BAN
(ký tên, đóng dấu)

BỔ TRÍ KIỂM NHIỆM CÁN BỘ CẤP XÃ VÀ Ở THÔN, KHU PHỐ
(Kèm theo Kế hoạch số KH/TU, ngày tháng 04 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu 10 - CBKN

TT	Năm	Tổng số xã, phường, thị trấn	Số đơn vị cấp xã có Chủ tịch HĐND chuyên trách	Số đơn vị cấp xã bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch UBND	Số bí thư kiêm Chủ tịch HĐND	Số đơn vị phó bí thư kiêm chủ tịch HĐND	Bí thư chi bộ thôn, khu phố			Trưởng thôn, khu phố		
							Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
								Kiểm trưởng thôn, khu phố	Kiểm trưởng ban công tác Mặt trận		Chưa đăng viên	%
1	2008											
2	2013											
3	2017											

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BAN
(ký tên, đóng dấu)

KẾT QUẢ LUÂN CHUYỂN CÁN BỘ

(Kèm theo Kế hoạch số KH/TU, ngày tháng 04 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu 11 -LCCB

TT	Năm	Nhiệm kỳ 2010 - 2015			Nhiệm kỳ 2015 - 2020		
		Luân chuyển cán bộ từ cấp huyện về cấp xã	Luân chuyển cán bộ từ cấp xã lên cấp huyện	Luân chuyển cán bộ từ địa phương này sang địa phương khác	Luân chuyển cán bộ từ cấp huyện về cấp xã	Luân chuyển cán bộ từ cấp xã lên cấp huyện	Luân chuyển cán bộ từ địa phương này sang địa phương khác
1	Bí thư Đảng ủy						
2	Phó bí thư Thường trực						
3	Chủ tịch UBND						
4	Phó Chủ tịch UBND						
5	Chức danh khác (nếu có)						

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG BAN
(ký tên, đóng dấu)